TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Tuấn Sỹ
Bà Đặng Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 02/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Trung C; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H1 (nay là thị xã H1), tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H; ĐKHKTT: Số 100, đường V, khối T1, phường C1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ liên hệ: Số 21B, ngõ 39, đường V2, phường C1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, bản tự khai nguyên đơn anh Ngô Trung C trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thu H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1 (nay là thị xã H1), tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 28/02/2007. Thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh và chị Trần Thị Thu H không còn nói chuyện với nhau, ít quan quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cuối năm 2019, vợ chồng sống ly thân, anh về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã T, huyện H1 Thủy (nay là

thị xã H1), tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Trần Thị Thu H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thu H. Về con chung, anh và chị Trần Thị Thu H có 03 con chung là cháu Ngô Bảo A, sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo Q, sinh ngày 19/4/2013; Ngô Tuệ M, sinh ngày 25/7/2017. Hiện nay, cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M đang sống cùng với chị Trần Thị Thu H tại thành phố S, cháu Ngô Bảo Q đang sống cùng anh Ngô Trung C tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi ly hôn, anh Ngô Trung C yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ngô Bảo Q cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Ngô Trung C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 03/3/2021, chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Ngô Trung C được tự do tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1 Thủy (nay là thị xã H1), tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 28/02/2007. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nguyên nhân là do anh Ngô Trung C nhiều lần chơi cá độ, bóng đá bị thua tiền phải vay nợ nhiều nơi. Năm 2020 chị Trần Thị Thu H đã phải bán nhà cửa của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H (đã chết) để trả nợ cho anh C. Từ năm 2020 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, anh Ngô Trung C và con thứ hai là cháu Ngô Bảo Q về quê anh C tại tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống. Nay anh Ngô Trung C yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: Chị và anh Ngô Trung C có 03 con chung là cháu Ngô Bảo A, sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo Q, sinh ngày 19/4/2013; Ngô Tuệ M, sinh ngày 25/7/2017. Khi ly hôn, anh Ngô Trung C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ngô Bảo Q, chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Ngô Bảo Q muốn ở với bố là anh Ngô Trung C. Cháu Ngô Bảo A có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Trần Thị Thu H.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, xử cho anh Ngô Trung C được ly hôn với chị Trần Thị Thu H là có căn cứ; về con chung: Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H có 03 con chung là Ngô Bảo A, sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo Q, sinh ngày 19/4/2013; Ngô Tuệ M, sinh ngày 25/7/2017. Khi ly hôn, anh Ngô Trung C yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ngô Bảo Q cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh Ngô Trung C là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 10/01/2022, anh Ngô Trung C có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị Trần Thị Thu H. Bị đơn chị Trần Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn anh Ngô Trung C và bị đơn chị Trần Thị Thu H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, ngày 28/02/2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1 Thủy (nay là thị xã H1), tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H là hợp pháp. Sau khi về chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ năm 2020 đến nay, chị Trần Thị Thu H và anh Ngô Trung C sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trung C là có căn cứ chấp nhận, do đó cần xử cho anh Ngô Trung C ly hôn

với chị Trần Thị Thu H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H có 03 con chung là Ngô Bảo A, sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo Q, sinh ngày 19/4/2013; Ngô Tuệ M, sinh ngày 25/7/2017. Hiện nay, cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M đang sống cùng với mẹ là chị Trần Thị Thu H tại thành phố S, cháu Ngô Bảo Q đang sống cùng anh Ngô Trung C tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của các con, xét thấy từ khi chị Trần Thị Thu H và anh Ngô Trung C sống ly thân đến nay, chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M; anh Ngô Trung C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Ngô Bảo Q. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, tránh xáo trộn cuộc sống, cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao cháu Ngô Bảo Q cho anh Ngô Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao hai cháu là Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập. Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn anh Ngô Trung C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Trung C ly hôn với chị Trần Thị Thu H. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/07, ngày 28/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1, tỉnh Thừa Thiên Huế).*

2. Về con chung: Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H có 03 con chung là Ngô Bảo A, sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo Q, sinh ngày 19/4/2013; Ngô

Tuệ M, sinh ngày 25/7/2017. Khi ly hôn, anh Ngô Trung C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ngô Bảo Q cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ngô Bảo A và Ngô Tuệ M cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Ngô Trung C và chị Trần Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Trung C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Ngô Trung C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000768 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Ngô Trung C, bị đơn chị Trần Thị Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- NĐ, BĐ;
- UBND x. T, TX. H1, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Huyền